

Số: 39 /BC-UBND

Lai Châu, ngày 04 tháng 3 năm 2016

BÁO CÁO
Giám sát, đánh giá tổng thể đầu tư năm 2015

Căn cứ Nghị định số 84/2015/NĐ-CP ngày 30/9/2015 của Chính phủ về giám sát và đánh giá đầu tư.

Thực hiện Văn bản số 11389/BKHĐT-GSTĐĐT ngày 28/12/2015 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư về triển khai công tác giám sát và đánh giá đầu tư; lập và gửi báo cáo giám sát đầu tư năm 2015. Ủy ban nhân dân tỉnh Lai Châu tổng hợp báo cáo giám sát, đánh giá tổng thể đầu tư năm 2015 như sau:

I. TÌNH HÌNH BAN HÀNH CÁC VĂN BẢN HƯỚNG DẪN CHÍNH SÁCH, PHÁP LUẬT LIÊN QUAN ĐẾN ĐẦU TƯ THEO THẨM QUYỀN:

Ngay từ đầu năm UBND tỉnh Lai Châu đã chỉ đạo các cấp, các ngành triển khai đồng bộ, hiệu quả các nhiệm vụ giải pháp nhằm phấn đấu hoàn thành kế hoạch vốn đầu tư nhà nước đảm bảo tuân thủ Luật Đầu tư công, Luật Xây dựng, Luật Đầu tư, Nghị quyết số 01/NQ-CP ngày 03/01/2015, Chỉ thị số 06/CT-TTg ngày 21/4/2015 và 07/CT-TTg ngày 30/4/2015 của Thủ tướng Chính phủ. Trong năm 2015, UBND tỉnh Lai Châu đã xây dựng ban hành các văn bản sau:

- Quyết định số 02/QĐ-UBND ngày 19/01/2015 của UBND tỉnh Lai Châu về việc sửa đổi, bổ sung một số nội dung quy định ban hành kèm theo Quyết định số 08/2013/QĐ-UBND ngày 03/6/2013 của UBND tỉnh về chính sách ưu đãi, hỗ trợ đầu tư, trình tự, thủ tục thực hiện ưu đãi, hỗ trợ đầu tư trên địa bàn tỉnh Lai Châu.

- Văn bản số 378/UBND-XD ngày 30/3/2015 của UBND tỉnh Lai Châu về việc hướng dẫn thực hiện Luật Xây dựng số 50/2014/QH13.

- Văn bản số 811/UBND-XD ngày 09/5/2015 của UBND tỉnh Lai Châu về việc hướng dẫn áp dụng đơn giá nhân công theo Thông tư số 01/2015/TT-BXD ngày 02/3/2015 của Bộ Xây dựng.

- Quyết định số 13/2015/QĐ-UBND ngày 26/5/2015 của UBND tỉnh Lai Châu quy định tiêu chí dự án trọng điểm nhóm C thuộc cấp tỉnh quản lý trên địa bàn tỉnh Lai Châu.

- Chỉ thị số 06/CT-UBND ngày 12/6/2015 của Chủ tịch UBND tỉnh về việc xây dựng kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội và dự toán ngân sách nhà nước năm 2016.

- Quyết định số 29/2015/QĐ-UBND ngày 11/11/2015 của UBND tỉnh về việc ban hành Quy chế quản lý hoạt động và sử dụng viện trợ phi chính phủ nước ngoài trên địa bàn tỉnh Lai Châu.

- Quyết định số 36/2015/QĐ-UBND ngày 11/12/2015 về việc giao chỉ tiêu kế hoạch vốn đầu tư nguồn ngân sách địa phương năm 2016.

- Quyết định số 41/2015/QĐ-UBND ngày 31/12/2015 ban hành quy định nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ vốn đầu tư phát triển nguồn NSNN giai đoạn 2016-2020.

- Văn bản số 136/UBND-TH ngày 27/01/2016 của UBND tỉnh về việc triển khai thực hiện Nghị định số 84/2015/NĐ-CP ngày 30/9/2015 của Chính phủ về giám sát và đánh giá đầu tư.

Các văn bản ban hành đảm bảo kịp thời tuân thủ theo quy định của pháp luật qua đó góp phần tăng cường công tác quản lý nhà nước về đầu tư, nâng cao hiệu quả sử dụng vốn đầu tư trên địa bàn.

II. TÌNH HÌNH QUẢN LÝ QUY HOẠCH:

1. Tình hình lập, thẩm định, phê duyệt các quy hoạch thuộc lĩnh vực quản lý:

Công tác lập, thẩm định, phê duyệt quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội, quy hoạch ngành, lĩnh vực, và sản phẩm được triển khai theo đúng quy định. Trong năm 2015, Ủy ban nhân dân tỉnh đã tổ chức triển khai lập, thẩm định và phê duyệt các quy hoạch sau:

- Quy hoạch hạ tầng kỹ thuật viễn thông thụ động tỉnh Lai Châu đến năm 2020, định hướng đến năm 2025 (*Quyết định số 634/QĐ-UBND ngày 29/6/2015 của UBND tỉnh*).

- Quy hoạch chi tiết tuyến vận tải hành khách cố định nội tỉnh đường bộ đến năm 2020, định hướng đến năm 2030 (*Quyết định số 957/QĐ-UBND ngày 07/9/2015 của UBND tỉnh*).

- Quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội huyện Nậm Nhùn tỉnh Lai Châu đến năm 2020, tầm nhìn đến năm 2030 (*Quyết định số 333/QĐ-UBND ngày 14/4/2015 của UBND tỉnh*).

- Quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội huyện Than Uyên tỉnh Lai Châu đến năm 2020, tầm nhìn đến năm 2030 (*Quyết định số 976/QĐ-UBND ngày 07/9/2015 của UBND tỉnh*).

- Quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội huyện Sìn Hồ tỉnh Lai Châu đến năm 2020, tầm nhìn đến năm 2030 (*Quyết định số 977/QĐ-UBND ngày 07/9/2015 của UBND tỉnh*).

- Quy hoạch phát triển vùng kinh tế nông – lâm sinh thái sông Đà tỉnh Lai Châu giai đoạn 2016-2020, tầm nhìn đến năm 2030 (Quyết định số 1199/QĐ-UBND ngày 22/10/2015 của UBND tỉnh).

- Quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội huyện Phong Thổ tỉnh Lai Châu đến năm 2020, tầm nhìn đến năm 2030 (Quyết định số 1391/QĐ-UBND ngày 27/11/2015 của UBND tỉnh).

- Quy hoạch quảng cáo ngoài trời trên địa bàn tỉnh Lai Châu giai đoạn 2015-2020, định hướng đến năm 2030 (Quyết định số 1602/QĐ-UBND ngày 31/12/2015 của UBND tỉnh).

- Điều chỉnh cục bộ các quy hoạch: Quy hoạch phát triển giao thông tỉnh Lai Châu; Quy hoạch chi tiết khu Giáo dục – Y tế và Thương mại – Dịch vụ huyện Nậm Nhùn; bổ sung điểm quy hoạch cửa hàng bán lẻ xăng dầu trong Quy hoạch mạng lưới xăng dầu trên địa bàn tỉnh Lai Châu đến năm 2020, có xét đến năm 2025.

2. Việc quản lý thực hiện các quy hoạch theo quy định:

- Các quy hoạch phát triển kinh tế - xã hội, quy hoạch ngành, lĩnh vực, sản phẩm được triển khai thực hiện theo đúng các quy định hiện hành, góp phần vào định hướng, phát triển kinh tế xã hội của tỉnh. Các dự án quy hoạch đã làm căn cứ khoa học cho việc xây dựng kế hoạch trung hạn, kế hoạch hàng năm, các Chương trình, Đề án của tỉnh.

- Các quy hoạch được tổ chức công bố, công khai, tuyên truyền, phổ biến rộng rãi trên các phương tiện thông tin đại chúng, đáp ứng nhu cầu thông tin cho các tổ chức, cơ quan, nhà đầu tư, doanh nghiệp, nhân dân trong và ngoài tỉnh nắm rõ đường lối, chủ trương, quan điểm, mục tiêu phát triển, cũng như tiềm năng, cơ hội khai thác đầu tư trên địa bàn tỉnh.

- Các cấp, các ngành đã tăng cường công tác kiểm tra, giám sát thực hiện các quy hoạch, qua đó kịp thời chấn chỉnh và kiến nghị sửa đổi bổ sung quy hoạch cho phù hợp với tình hình thực tiễn.

3. Các vướng mắc chính, nguyên nhân và kiến nghị biện pháp giải quyết:

a) Các vướng mắc chính:

- Sự gắn kết của các quy hoạch của tỉnh với các quy hoạch của vùng, các tỉnh lân cận (Điện Biên, Sơn La, Lào Cai, Yên Bái,..) còn hạn chế, tính đồng bộ chưa cao.

- Một số quy hoạch có chất lượng thấp, trong quá trình thực hiện đều phải điều chỉnh lại, cá biệt có quy hoạch mới phê duyệt đã lỗi thời, lạc hậu, không phù hợp với yêu cầu thực tiễn.

- Chất lượng quy hoạch thấp do tầm nhìn quy hoạch hầu hết chưa có tính dự báo dài hạn; số liệu tổng hợp của quy hoạch còn nhiều sai sót; định hướng phát triển không phù hợp với thực tiễn, còn mang tính chủ quan, định tính; mục tiêu không gắn kết với nguồn lực huy động; chất lượng tư vấn còn hạn chế.

- Công tác lập và trình duyệt các quy hoạch nhìn chung đều chậm tiến độ, nhiều quy hoạch có thời gian lập kéo dài nhiều năm nên phải điều chỉnh lại.

- Việc tiếp cận của người dân với các quy hoạch còn hạn chế; công tác kiểm tra, giám sát việc thực hiện quy hoạch chưa được quan tâm đúng mức.

b) Nguyên nhân:

- Chưa có một văn bản Luật có tính pháp lý cao nhất để điều chỉnh các hoạt động về công tác quy hoạch dẫn đến công tác lập và quản lý quy hoạch hiện nay còn tràn lan, chưa hiệu quả. Chưa xây dựng kế hoạch tổng thể đầu tư các dự án quy hoạch.

- Sự quan tâm đặc biệt của các cấp, ngành và các huyện, TP còn chưa sát sao; chưa đánh giá đúng mức tầm quan trọng của các quy hoạch nên việc vào cuộc của cả hệ thống chính trị còn chưa quyết liệt, còn phó mặc cho đơn vị tư vấn; sự gắn kết trong công tác lập quy hoạch giữa ngành và địa phương còn hạn chế.

- Kinh phí cho công tác lập quy hoạch đều sử dụng vốn sự nghiệp, giao không đủ nhu cầu và không đồng bộ với tiến độ lập quy hoạch dẫn đến không đảm bảo các quy định về lựa chọn nhà thầu cũng như ảnh hưởng đến tiến độ lập quy hoạch.

c) Kiến nghị biện pháp giải quyết:

- Tiếp tục đổi mới về nhận thức, tư duy và nâng cao trách nhiệm của các cấp, các ngành đối với công tác quy hoạch; các cấp, ngành, huyện, thành phố phải luôn luôn xác định quy hoạch là nhiệm vụ trọng tâm. Nâng cao vai trò, trách nhiệm của người đứng đầu đối với chất lượng quy hoạch.

- Tiếp tục nâng cao chất lượng công tác quy hoạch. Cụ thể: Nâng cao chất lượng tổng hợp số liệu, đặc biệt là số liệu “đầu vào”; tăng cường công tác điều tra cơ bản; tổ chức lấy ý kiến chuyên gia, nhà khoa học, nhân dân,..; ứng dụng các công cụ mới, hiện đại trong quá trình lập quy hoạch như các mô hình dự báo tăng trưởng, các phương pháp phân tích, đánh giá. Tăng cường quản lý và nâng cao chất lượng công tác lựa chọn đơn vị tư vấn thực hiện quy hoạch. Chỉ lựa chọn những đơn vị tư vấn có đủ năng lực, kinh nghiệm để thực hiện. Nâng cao năng

lực cho đội ngũ cán bộ làm công tác kế hoạch từ tỉnh đến huyện; tăng cường hội nghị, hội thảo trao đổi kinh nghiệm giữa các đơn vị.

- Tăng cường công tác công khai quy hoạch đến các ngành, tổ chức, cá nhân để có sự đồng thuận cao trong quá trình triển khai thực hiện; nâng cao vai trò giám sát của cộng đồng đối với việc thực hiện quy hoạch. Thường xuyên rà soát, đánh giá việc triển khai thực hiện quy hoạch.

III. TÌNH HÌNH THỰC HIỆN KẾ HOẠCH VỐN ĐẦU TƯ:

Tổng hợp số liệu về kế hoạch vốn đầu tư trong năm:

- Kế hoạch vốn năm 2014 được phép kéo dài thời gian thanh toán sang năm 2015 là 858.623 triệu đồng. Lũy kế giải ngân đến 31/1/2016 là 640.956 triệu đồng, bằng 65% kế hoạch kéo dài. Số còn lại chưa giải ngân là 217.667 triệu đồng

- Tổng kế hoạch vốn đầu tư trong năm là 2.737.431 triệu đồng (*trong đó vốn giao đầu năm là 2.453.305 triệu đồng, vốn bổ sung trong năm là 288.326 triệu đồng*).

Tổng giá trị khối lượng thực hiện trong năm là 1.751.145 triệu đồng.

Kết quả huy động và giải ngân vốn đầu tư: Lũy kế giải ngân cả năm là 1.847.684 triệu đồng đạt 67,5% kế hoạch, trong đó giải ngân khối lượng hoàn thành là 1.564.454 triệu đồng, riêng 6 tháng cuối năm khối lượng giải ngân đạt 1.001.648 triệu đồng chiếm 54,2% tổng khối lượng giải ngân.

Tình hình nợ đọng vốn đầu tư: Đến ngày 31/12/2014, tổng số 67 dự án với số nợ là 473.618 triệu đồng (trong đó: dự án vốn ngân sách nhà nước là 349.662 triệu đồng, dự án vốn TPCP là 123.956 triệu đồng). Năm 2015 đã bố trí 559.952 triệu đồng (vốn NSNN là 324.052 triệu đồng, vốn TPCP là 235.900 triệu đồng) để trả nợ đọng xây dựng cơ bản. Số nợ đọng xây dựng cơ bản còn lại là 25.610 triệu đồng.

IV. TÌNH HÌNH QUẢN LÝ CÁC CHƯƠNG TRÌNH ĐẦU TƯ CÔNG:

1. Việc lập, thẩm định, phê duyệt chủ trương đầu tư Chương trình:

Thực hiện Công văn số 2026/BKHĐT-GSTĐĐT ngày 9/4/2015 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư, UBND tỉnh đã tham gia đề xuất các dự án vào Chương trình đầu tư đường tuần tra biên giới giai đoạn 2014-2020 tại Văn bản số 520/UBND-TH ngày 24/4/2015.

Thực hiện Công văn số 235/BKHĐT-KTĐPLT ngày 18/5/2015 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư về việc triển khai xây dựng Kế hoạch tổng thể xây dựng công trình phòng, chống xói, lở bảo vệ bờ và cồn bãi trên sông, suối biên giới đất liền Việt Nam -Trung Quốc giai đoạn 2 (2016 - 2020). UBND tỉnh đã xây dựng Kế hoạch tổng thể xây dựng công trình phòng, chống xói, lở bảo vệ bờ và

cồn bãi trên sông, suối biên giới đất liền Việt Nam - Trung Quốc giai đoạn 2016-2020 trên địa bàn tỉnh Lai Châu gửi Bộ Kế hoạch và Đầu tư thẩm định tại Báo cáo số 119/BC-UBND ngày 28/5/2015.

2. Tình hình thực hiện các chương trình:

a) Việc quản lý thực hiện chương trình:

- Để huy động cả hệ thống chính trị tham gia thực hiện các Chương trình đầu tư công, UBND tỉnh đã tham mưu cho Tỉnh ủy, Hội đồng nhân dân ban hành các Chỉ thị, Nghị quyết về tăng cường lãnh đạo, chỉ đạo thực hiện các Chương trình mục tiêu Quốc gia, các Chương trình mục tiêu do Chính phủ phê duyệt. Chỉ đạo các cấp, các ngành, các tổ chức đoàn thể, UBND các huyện, thành phố triển khai, quán triệt nội dung của các Chương trình đến cán bộ, người dân trên địa bàn tỉnh.

- Các chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước được tuyên truyền rộng rãi. Công tác thông tin, báo cáo, kiểm tra, giám sát các chương trình thực hiện thường xuyên, tuân thủ quy định. Các chương trình được thực hiện đảm bảo theo quy hoạch, kế hoạch đã được duyệt

b) Việc lập, thẩm định, quyết định đầu tư dự án thành phần thuộc chương trình:

Việc lập, thẩm định, quyết định đầu tư dự án thành phần thuộc chương trình đảm bảo đúng trình tự, thẩm quyền phê duyệt. Thực hiện tốt cơ chế phối hợp giữa các cấp, các ngành trong công tác lập, thẩm định, phê duyệt dự án đảm bảo tuân thủ quy định của pháp luật.

c) Tình hình thực hiện chương trình và thực hiện kế hoạch vốn đầu tư:

Trong năm 2015, trên địa bàn tỉnh triển khai thực hiện các chương trình (có phần đầu tư xây dựng) như sau:

- Chương trình Mục tiêu Quốc gia: Bao gồm 06 chương trình: Chương trình MTQG về việc làm và dạy nghề, Chương trình MTQG xây dựng Nông thôn mới, Chương trình MTQG nước sạch và vệ sinh môi trường nông thôn, Chương trình MTQG y tế, Chương trình MTQG đưa thông tin về cơ sở miền núi, vùng sâu, vùng xa, biên giới và hải đảo.

Tổng kế hoạch vốn thực hiện các Chương trình MTQG là 288.309 triệu đồng, trong đó kế hoạch vốn kéo dài năm 2014 thanh toán sang năm 2015 là 34.159 triệu đồng, kế hoạch vốn năm 2015 là 254.150 triệu đồng. Tổng giá trị giải ngân là 232.584 triệu đồng, đạt 80,7 % kế hoạch vốn.

- Chương trình hỗ trợ có mục tiêu (nguồn vốn): Bao gồm 15 chương trình: Chương trình phát triển kinh tế - xã hội các vùng; chương trình hỗ trợ tỉnh,

huyện mới chia tách; chương trình đầu tư phát triển kinh tế - xã hội tuyến biên giới Việt Trung; Chương trình đầu tư hạ tầng kinh tế cửa khẩu; chương trình đầu tư quản lý, bảo vệ biên giới đất liền; Chương trình di dân, định canh định cư cho đồng bào dân tộc thiểu số (theo Quyết định số 33/QĐ-TTg ngày 5/3/2007); Chương trình bố trí, sắp xếp dân cư nơi cần thiết; Chương trình hỗ trợ dân tộc ít người tỉnh Lai Châu theo Quyết định số 1672/QĐ-TTg ngày 26/9/2011; Chương trình hỗ trợ đất ở, đất sản xuất, nước sinh hoạt cho hộ đồng bào dân tộc thiểu số nghèo và hộ nghèo ở xã, thôn, bản đặc biệt khó khăn theo Quyết định 755/QĐ-TTg; Chương trình đầu tư phát triển hệ thống y tế địa phương; Chương trình mục tiêu phát triển hạ tầng du lịch; Chương trình hỗ trợ quốc phòng, an ninh địa bàn trọng điểm; Chương trình bảo vệ và phát triển rừng bền vững; Chương trình hỗ trợ đầu tư các công trình cấp bách của địa phương.

Tổng kế hoạch vốn thực hiện từ các chương trình mục tiêu là 853.207 triệu đồng, trong đó kế hoạch vốn kéo dài năm 2014 thanh toán sang năm 2015 là 19.967 triệu đồng, kế hoạch vốn năm 2015 là 833.240 triệu đồng. Tổng giá trị giải ngân là 784.888 triệu đồng, đạt 92 % kế hoạch vốn.

d) Năng lực tổ chức thực hiện dự án thành phần thuộc chương trình và việc chấp hành quy định về quản lý đầu tư của chủ dự án thành phần:

Đội ngũ cán bộ tham gia thực hiện các chương trình, dự án trên địa bàn hầu hết có trình độ, năng lực chuyên môn, nghiệp vụ phù hợp với loại công trình, dự án đang đảm nhiệm. Trong quá trình triển khai thực hiện dự án luôn chấp hành nghiêm túc các quy định hiện hành về quản lý đầu tư. Các nhà thầu thực hiện đáp ứng đủ năng lực, kinh nghiệm để thực hiện các gói thầu, tiến độ thực hiện các gói thầu cơ bản đáp ứng được tiến độ thực hiện dự án.

3. Các vướng mắc và kiến nghị biện pháp giải quyết:

a) Vướng mắc, khó khăn:

- Do đặc điểm là tỉnh miền núi, địa hình nhiều chia cắt, dân cư phân bố không tập trung, thường xuyên chịu ảnh hưởng của thiên tai mưa lũ, sạt lở... trình độ nhận thức và năng lực cán bộ cơ sở còn hạn chế; nguồn thu trên địa bàn thấp, suất đầu tư các công trình hạ tầng cao đặc biệt ở những xã vùng sâu, vùng xa; việc thu hút các doanh nghiệp tham gia đầu tư trên địa bàn gặp nhiều khó khăn.

- Công tác tuyên truyền vận động mặc dù đã thu được kết quả đáng kể nhưng chưa thực sự sâu rộng đến các hộ nghèo. Một bộ phận nhân dân là dân tộc thiểu số, vùng sâu, vùng xa vẫn còn nhiều tập tục lạc hậu, vẫn còn tình trạng du canh, du cư, còn tư tưởng trông chờ ỷ lại vào hỗ trợ của Nhà nước.

- Các chương trình MTQG, chương trình mục tiêu cần nguồn vốn đầu tư lớn để thực hiện, trong khi ngân sách nhà nước hỗ trợ chưa đáp ứng nhu cầu, việc tham gia đóng góp từ nhân dân, doanh nghiệp còn nhiều khó khăn. Việc lồng ghép các chương trình, dự án trong xây dựng NTM còn hạn chế, chưa thực sự phát huy được các nguồn lực.

- Việc phân cấp cho xã làm chủ đầu tư các dự án thuộc một số chương trình còn hạn chế do trình độ cán bộ cấp xã chưa đáp ứng được yêu cầu.

b) Kiến nghị:

Đề nghị Chính phủ và các Bộ, ngành Trung ương quan tâm xem xét một số vấn đề sau:

- Tiếp tục quan tâm hỗ trợ nguồn lực cho địa phương để thực hiện công tác phát triển kinh tế xã hội trên địa bàn cũng như triển khai các Chương trình đầu tư công giai đoạn 2016-2020.

- Đề nghị tiếp tục thực hiện các chính sách hỗ trợ về y tế, giáo dục cho các hộ nghèo, người nghèo trong giai đoạn 2016-2020; chính sách hỗ trợ các hộ dân được hưởng chính sách tái định cư các công trình thủy điện.

- Đề nghị sớm sửa đổi, bổ sung chính sách khuyến khích thu hút đầu tư theo hướng đặc thù, để thu hút các nhà đầu tư vào các địa bàn khó khăn như Lai Châu; quan tâm và lựa chọn giới thiệu cho tỉnh các nhà đầu tư có năng lực.

- Đề nghị Ủy ban MTTQ Việt Nam và các đoàn thể Trung ương kêu gọi các doanh nghiệp, các tổ chức phi chính phủ tiếp tục hỗ trợ cho các hộ nghèo ở vùng sâu, vùng xa, dân tộc thiểu số.

V. TÌNH HÌNH QUẢN LÝ CÁC DỰ ÁN ĐẦU TƯ SỬ DỤNG VỐN NSNN:

1. Tình hình lập, thẩm định, phê duyệt chủ trương đầu tư:

Việc lập, thẩm định, phê duyệt chủ trương đầu tư tuân thủ theo quy định của pháp luật về quản lý và sử dụng vốn đầu tư công. Trong năm 2015, tổng số dự án có kế hoạch chuẩn bị chủ trương đầu tư và được thẩm định chủ trương đầu tư là 92 dự án (trong đó: 58 dự án nhóm B, 34 dự án nhóm C). Tổng số dự án có quyết định phê duyệt chủ trương đầu tư là 19 dự án (trong đó 01 dự án nhóm B, 18 dự án nhóm C).

Các dự án được phê duyệt chủ trương đầu tư phù hợp với quy hoạch phát triển kinh tế - xã hội, quy hoạch ngành, lĩnh vực, kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 5 năm, hàng năm của tỉnh, huyện, thành phố; quy hoạch nông thôn mới đã được phê duyệt; không trùng lặp với các chương trình, dự án đã có quyết định chủ trương đầu tư, đã có quyết định đầu tư; phù hợp với khả năng cân đối nguồn vốn đầu tư công và khả năng huy động với các nguồn vốn cân đối khác đối với chương trình,

dự án sử dụng nhiều nguồn vốn; phù hợp với khả năng vay - trả nợ của địa phương; bảo đảm hiệu quả kinh tế - xã hội, quốc phòng, an ninh và phát triển bền vững.

2. Việc lập, thẩm định, quyết định đầu tư:

Công tác lập, thẩm định, và phê duyệt dự án được tiến hành theo đúng quy định, các dự án được phê duyệt đảm bảo theo chủ trương đầu tư đã được phê duyệt:

Trong năm 2015, tổng số dự án được thẩm định là 26 dự án, trong đó 01 dự án nhóm B, 25 dự án nhóm C. Số dự án có quyết định phê duyệt đầu tư là: 24 dự án, trong đó: 01 dự án nhóm B, 23 dự án nhóm C.

3. Tình hình lập, thẩm định phê duyệt thiết kế kỹ thuật, dự toán:

Trong năm 2015, đã thẩm định và phê duyệt thiết kế kỹ thuật, dự toán cho 39 dự án, trong đó: 2 dự án nhóm B, 27 dự án nhóm C.

4. Tình hình thực hiện các dự án:

a) Việc quản lý thực hiện dự án:

- UBND tỉnh cùng các Sở, ngành thường xuyên kiểm tra cơ sở để nắm bắt tình hình thực hiện các dự án, kịp thời chỉ đạo, tháo gỡ những khó khăn, vướng mắc trong quá trình triển khai, thực hiện.

- Các chủ đầu tư, ban quản lý dự án, đơn vị thi công đã chủ động lập kế hoạch tổng thể và kế hoạch chi tiết các dự án theo quy định. Việc quản lý được thực hiện chặt chẽ từ giai đoạn chuẩn bị đầu tư, đến khi kết thúc đầu tư, bàn giao công trình đưa vào khai thác sử dụng.

b) Tình hình thực hiện dự án đầu tư:

Các dự án cơ bản được thực hiện theo kế hoạch, tiến độ đã được phê duyệt. Trong quá trình thực hiện, có 18 dự án chậm tiến độ; trong đó: 10 dự án chậm tiến độ do công tác giải phóng mặt bằng, 05 dự án chậm tiến độ do bố trí vốn không kịp thời, 04 dự án chậm tiến độ do các nguyên nhân khác.

- Số dự án phải điều chỉnh: 29 dự án; trong đó: 25 dự án điều chỉnh mục tiêu, quy mô đầu tư, 18 dự án điều chỉnh vốn đầu tư, 02 dự án điều chỉnh tiến độ vốn đầu tư.

c) Khó khăn, vướng mắc, phát sinh trong quá trình thực hiện dự án và việc xử lý theo thẩm quyền:

- Khó khăn, vướng mắc chủ yếu: Do thời tiết không thuận lợi, mưa nhiều; nguồn vốn bố trí một số dự án không kịp thời; công tác đền bù, giải phóng mặt bằng gặp nhiều khó khăn.

- Giải pháp khắc phục: Ủy ban nhân dân tỉnh đã chỉ đạo các chủ đầu tư: Đôn đốc các đơn vị thi công tập trung nhân lực để thực hiện dự án đảm bảo theo đúng

tiến độ được phê duyệt, đồng thời nâng cao năng lực trong công tác chuẩn bị, lập dự án để sát với điều kiện thực tế; các cấp, các ngành tăng cường công tác kiểm tra, giám sát dự án để kịp thời tháo gỡ những khó khăn trong quá trình thực hiện.

5. Tình hình khai thác, vận hành dự án đã hoàn thành:

Các dự án sau khi hoàn thành được sử dụng đảm bảo đúng mục tiêu, đơn vị được giao khai thác, vận hành đã thực hiện đúng quy trình, hàng năm có phương án bảo dưỡng, bảo trì kịp thời theo Nghị định số 114/NĐ-CP ngày 6/12/2010 của Chính Phủ. Trong năm UBND tỉnh đã ban hành Quyết định số 04/2015/QĐ-UBND ngày 10/3/2015 về việc quy định quản lý, vận hành khai thác và bảo trì cầu trên đường giao thông nông thôn thuộc địa bàn tỉnh góp phần đảm bảo phát huy hiệu quả công trình sau đầu tư.

Tuy nhiên một số công trình sau khi được đầu tư chưa có vốn duy tu, bảo dưỡng, bảo trì, đặc biệt các công trình giao các xã quản lý như: công trình nước sinh hoạt, thủy lợi nhỏ, đường giao thông thôn bản... Các đơn vị quản lý, vận hành không có biện pháp quản lý, tuyên truyền vận động nhân dân sử dụng, quản lý công trình phù hợp dẫn đến công trình nhanh xuống cấp, hiệu quả chưa cao.

6. Các vướng mắc chính và kiến nghị các biện pháp giải quyết:

a) Các vướng mắc chính:

- Năm 2015 là năm đầu tiên thực hiện cơ chế đầu tư theo Luật đầu tư công, Luật Xây dựng nên việc triển khai ban đầu còn khó khăn. Việc ban hành văn bản hướng dẫn của Bộ, ngành trung ương còn chậm, chồng chéo, dẫn đến việc áp dụng rất khác nhau, gây khó khăn cho việc triển khai thực hiện dự án, ảnh hưởng đến tiến độ thực hiện kế hoạch. Cơ chế thực hiện đầu tư công có nhiều điểm mới nên nhiều chủ đầu tư vẫn còn lúng túng, chưa chủ động triển khai thực hiện.

- Do điều kiện thời tiết không thuận lợi, mùa mưa kéo dài nên việc thi công các dự án rất khó khăn. Nhu cầu đầu tư phát triển cơ sở hạ tầng còn rất lớn, trong khi nguồn vốn huy động hàng năm còn hạn chế, dẫn đến triển khai các dự án rất khó khăn.

- Thực hiện Nghị định số 63/2014/NĐ-CP ngày 26/6/2014 quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đấu thầu về lựa chọn nhà thầu các gói thầu cung cấp dịch vụ tư vấn, dịch vụ phi tư vấn, dịch vụ công trên 500 triệu đồng phải thực hiện đấu thầu; đối với gói thầu mua sắm hàng hóa, xây lắp trên 01 tỷ đồng phải thực hiện đấu thầu nên hầu hết các dự án đều phải thực hiện công tác đấu thầu do vậy việc triển khai thực hiện các dự án khởi công mới năm 2015 chậm hơn so với các năm trước.

- Giải phóng mặt bằng còn nhiều bất cập: Sự phối kết hợp giữa chính quyền địa phương, các cơ quan chuyên môn trong thực hiện công tác đền bù, giải phóng mặt bằng chưa nhịp nhàng; việc chỉ đạo, xử lý công việc thiếu quyết liệt dẫn đến công tác đền bù, giải phóng mặt bằng còn chậm, một số công trình đã hoàn thành nhưng vẫn vướng mắc công tác đền bù giải phóng mặt bằng nên chủ đầu tư không nghiệm thu thanh, quyết toán được dự án.

- Một số Chủ đầu tư chưa nghiêm túc thực hiện Chỉ thị số 07/CT-TTg ngày 30/4/2015, Chỉ thị số 27/CT-TTg ngày 10/10/2012, Chỉ thị số 14/CT-TTg ngày 28/6/2013 về tăng cường quản lý nợ đọng xây dựng cơ bản. Một số dự án đến nay có nợ đọng XDCB.

b) Kiến nghị các biện pháp giải quyết:

- Nâng cao nhận thức trách nhiệm, đổi mới tư duy về quản lý và xây dựng kế hoạch đầu tư công, từ việc lập, quyết định chủ trương đầu tư, thẩm định nguồn vốn và khả năng cân đối vốn chuyển từ kế hoạch đầu tư công ngắn hạn hàng năm sang kế hoạch đầu tư công trung hạn 5 năm. Tiếp tục triển khai thực hiện tốt công tác quản lý dự án đầu tư theo Luật Đầu tư công, Luật Xây dựng, Luật Đấu thầu và các văn bản dưới luật liên quan. Các sở quản lý chuyên ngành tăng cường hướng dẫn thực hiện các quy định mới trong quản lý đầu tư xây dựng cơ bản theo đúng Luật, kịp thời tháo gỡ các khó khăn, vướng mắc.

- Tăng cường công tác quản lý quy hoạch và giải phóng mặt bằng: Thực hiện đầu tư theo quy hoạch và kế hoạch đầu tư công trung hạn, phù hợp với khả năng cân đối về vốn và các nguồn lực khác. Tăng cường phối hợp với cơ quan chức năng thực hiện tốt công tác đo đạc, quy chủ, tính toán lập phương án đền bù, hỗ trợ đúng chế độ chính sách; Thủ trưởng các đơn vị được giao chủ đầu tư dự án phải tập trung chỉ đạo và phối hợp với UBND các huyện, thành phố để thực hiện công tác bồi thường giải phóng mặt bằng, chịu trách nhiệm trước Chủ tịch UBND tỉnh về việc chậm trễ bàn giao mặt bằng sạch cho các đơn vị thi công, kéo dài thời gian thực hiện dự án.

- Tập trung đẩy nhanh tiến độ thực hiện đầu tư các dự án: Chỉ đạo quyết liệt nhằm đẩy nhanh tiến độ thi công, giải ngân các nguồn vốn ngay từ đầu năm. Yêu cầu các Chủ đầu tư và nhà thầu xây dựng tập trung nhân lực, máy móc để thi công, đặc biệt các dự án chuyển tiếp và dự án dự kiến hoàn thành trong năm 2016, dự án sử dụng vốn trái phiếu Chính phủ đảm bảo hoàn thành theo tiến độ đã cam kết với Chính phủ.

- Tăng cường các biện pháp xử lý nợ đọng xây dựng cơ bản nguồn vốn đầu tư công: Các Chủ đầu tư triển khai thực hiện nghiêm các quy định của Luật

Đầu tư công, Chỉ thị số 27/CT-TTg ngày 10/10/2012, Chỉ thị số 14/CT-TTg ngày 28/6/2013, Chỉ thị số 07/CT-TTg ngày 30/4/2015, đảm bảo không để phát sinh nợ đọng xây dựng cơ bản trong quá trình triển khai thực hiện dự án. Nghiêm túc xử lý những chủ đầu tư để phát sinh nợ đọng xây dựng cơ bản.

- Các sở xây dựng chuyên ngành phân công cán bộ chuyên môn thực hiện công tác thẩm tra thiết kế bản vẽ thi công, đảm bảo đúng thời gian, chất lượng công trình. Sở Xây dựng chủ trì tăng cường phối hợp với các sở, ban, ngành tỉnh, UBND các huyện, thành phố thường xuyên kiểm tra công tác quản lý chất lượng công trình trên địa bàn; đẩy mạnh việc triển khai Nghị định 15/2013/NĐ-CP ngày 06/02/2013 của Chính phủ về quản lý chất lượng công trình xây dựng trên địa bàn tỉnh và Nghị định số 46/2015/NĐ-CP ngày 12/5/2015 về quản lý chất lượng và bảo trì công trình xây dựng; định kỳ hàng tháng tổng hợp tình hình quản lý chất lượng công trình trên địa bàn tỉnh báo cáo UBND tỉnh theo đúng quy định.

- Nâng cao chất lượng nguồn nhân lực: Tổ chức rà soát, kiện toàn lại các ban QLDA theo Luật Xây dựng đảm bảo hoàn thành nhiệm vụ được giao; có chính sách hợp lý về tuyển dụng và đào tạo đội ngũ cán bộ trong ngành kế hoạch. Tích cực cho cán bộ tham gia các lớp tập huấn nghiệp vụ xây dựng kế hoạch do Bộ, ngành Trung ương tổ chức đồng thời mở các lớp tập huấn tại tỉnh để nâng cao chất lượng công tác dự báo, xây dựng kế hoạch đáp ứng yêu cầu quản lý, điều hành vốn đầu tư tại địa phương.

- Tăng cường huy động và sử dụng hiệu quả nguồn vốn đầu tư phát triển:

+ Đa dạng hoá các hình thức huy động vốn trong tỉnh, huy động tối đa các nguồn lực và thu hút vốn trong nước, đặc biệt là của các tập đoàn, doanh nghiệp lớn; đồng thời tạo mọi điều kiện thuận lợi để thu hút vốn đầu tư nước ngoài bằng nhiều hình thức thích hợp.

+ Khai thác tối đa nguồn vốn đầu tư, hỗ trợ của Trung ương, có chính sách khuyến khích thu hút doanh nghiệp trong nước và nước ngoài đầu tư kinh doanh kết cấu hạ tầng.

+ Huy động từ nhiều nguồn vốn (*vốn bổ sung trực tiếp từ Trung ương, các nguồn vốn hỗ trợ từ Bộ, ngành Trung ương, vốn tín dụng ưu đãi, vốn FDI, ODA ...*) và sử dụng có hiệu quả các nguồn vốn trung hạn và dài hạn để đảm bảo đầu tư phát triển bền vững.

- Tăng cường công tác thanh, kiểm tra, giám sát đầu tư trong XDCB; nâng cao hiệu quả công tác giám sát đầu tư của cộng đồng trên địa bàn:

+ Tăng cường công tác thanh tra, kiểm tra, kiểm soát các Chủ đầu tư trong việc thực hiện đầu tư theo Luật Đầu tư công, Luật Xây dựng, Luật Đấu thầu và các Chỉ thị của Thủ tướng Chính phủ. Trong đó tập trung kiểm tra việc lập, thẩm định, phê duyệt chủ trương đầu tư, quyết định đầu tư, điều chỉnh quyết định đầu tư và thực hiện các dự án đầu tư công, nợ đọng xây dựng cơ bản, đặc biệt là các dự án điều chỉnh tổng mức đầu tư lớn. Xử lý nghiêm các đơn vị có sai phạm.

+ Tăng cường công tác quản lý trong hoạt động đầu tư xây dựng cơ bản, nhất là công tác thẩm định, thẩm tra, thanh tra, kiểm tra và giám sát quản lý chất lượng xây dựng, đảm bảo chất lượng, hiệu quả vốn đầu tư.

+ Nâng cao trách nhiệm của các sở, ban, ngành, địa phương, chủ đầu tư và nhà thầu trong việc thực hiện chế độ thông tin báo cáo, chấp hành nghiêm túc sự chỉ đạo của UBND tỉnh.

+ Tổ chức việc công bố công khai các kết luận thanh tra, kiểm tra. Thực hiện nghiêm túc công tác theo dõi, đôn đốc, kiểm tra việc thực hiện các kết luận thanh tra, kiểm tra theo quy định pháp luật; xử lý nghiêm các vi phạm về quản lý, sử dụng vốn Đầu tư công.

VI. TÌNH HÌNH QUẢN LÝ DỰ ÁN ĐẦU TƯ THEO HÌNH THỨC ĐỐI TÁC CÔNG TƯ

Hiện tại trên địa bàn tỉnh Lai Châu chưa có dự án nào được thực hiện đầu tư theo hình thức đối tác công tư.

VII. TÌNH HÌNH QUẢN LÝ CÁC DỰ ÁN ĐẦU TƯ SỬ DỤNG NGUỒN VỐN KHÁC

1. Việc thực hiện thủ tục đề nghị quyết định chủ trương đầu tư, cấp giấy chứng nhận đăng ký đầu tư và cấp giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh:

- Về việc thực hiện thủ tục đề nghị quyết định chủ trương đầu tư, cấp giấy chứng nhận đầu tư: Công tác thẩm định và phê duyệt chủ trương đầu tư được thực hiện theo quy định của pháp luật. Các chế độ ưu đãi đầu tư theo quy định, đảm bảo lợi ích cho Doanh nghiệp. Trong năm, UBND tỉnh đã phê duyệt chủ trương đầu tư cho 20 dự án thuộc các lĩnh vực công nghiệp, vật liệu xây dựng, thương mại dịch vụ. Cấp giấy chứng nhận đầu tư mới cho 6 dự án với tổng số vốn đăng ký đầu tư là 3.655.917 triệu đồng.

- Về cấp giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh: Cấp giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh cho 115 doanh nghiệp, nâng tổng số doanh nghiệp trong toàn tỉnh lên 1071 doanh nghiệp. Đăng ký hoạt động cho 18 chi nhánh và văn phòng đại diện, đăng ký thay đổi nội dung đăng ký kinh doanh cho 151 doanh nghiệp; thu hồi giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh của 30 doanh nghiệp và chi nhánh.

+ *Về đăng ký thành lập hợp tác xã*: Thành lập mới 26 Hợp tác xã với số vốn đăng ký 41,8 tỷ đồng, có 55 hợp tác xã dừng hoạt động. Lũy kể đến hết năm 2015, trên địa bàn tỉnh có 221 hợp tác xã với tổng vốn điều lệ 365,9 tỷ đồng.

+ *Về sắp xếp đổi mới doanh nghiệp nhà nước*: Hoàn thành công tác cổ phần hóa đối với công ty TNHH Xây dựng và Cấp nước Lai Châu. Cử người đại diện phần vốn nhà nước nắm cổ phần chi phối và thực hiện chuyển công ty TNHH sang mô hình công ty cổ phần.

Hoàn thiện biên bản bàn giao quyền đại diện chủ sở hữu từ UBND tỉnh Tổng công ty đầu tư và kinh doanh vốn nhà nước quản lý theo quy định đối với Công ty Cổ phần giống vật tư Lai Châu và Công ty Cổ phần thương mại tỉnh Lai Châu.

2. Tiến độ thực hiện dự án và tiến độ thực hiện mục tiêu dự án:

Các dự án được đầu tư trên địa bàn cơ bản đảm bảo tiến độ đầu tư. Hầu hết các dự án khi được cấp chủ trương đầu tư và giấy chứng nhận đăng ký đầu tư đều đảm bảo đúng thời gian và trình tự thủ tục.

Tuy nhiên còn một số dự án không đáp ứng tiến độ nhà đầu tư đã cam kết, trong năm UBND tỉnh đã thu hồi Giấy chứng nhận đầu tư cho 29 dự án (*nguyên nhân do nhà đầu tư không triển khai thực hiện dự án, dự án hết hạn đầu tư, dự án chậm tiến độ quá 12 tháng*).

3. Các vướng mắc chính và kiến nghị các biện pháp giải quyết:

- Các vướng mắc: Thông tin báo cáo của các nhà đầu tư các dự án sau khi được cấp chủ trương đầu tư và giấy chứng nhận đăng ký đầu tư cho cơ quan quản lý nhà nước chưa được đầy đủ, kịp thời; Việc kiểm tra, thanh tra, giám sát trong quá trình thực hiện dự án của nhà đầu tư còn hạn chế; Một số dự án lưới điện truyền tải do TW đầu tư chậm tiến độ, do đó các nhà đầu tư dự án thủy điện chưa thực hiện dự án đúng tiến độ theo cấp phép đầu tư.

- Kiến nghị: Tăng cường công tác kiểm tra, giám sát đánh giá đầu tư đối với các dự án sau cấp chủ trương và giấy chứng nhận đăng ký đầu tư; Đẩy nhanh tiến độ đầu tư hệ thống lưới điện truyền tải.

VIII. TÌNH HÌNH THỰC HIỆN CÔNG TÁC GIÁM SÁT, ĐÁNH GIÁ ĐẦU TƯ CỦA CÁC CHỦ ĐẦU TƯ VÀ CƠ QUAN NHÀ NƯỚC:

1. Tình hình thực hiện chế độ báo cáo: Cơ bản các đơn vị trên địa bàn tỉnh đều thực hiện chế độ báo cáo gửi cơ quan tổng hợp và UBND tỉnh theo quy định.

2. Đánh giá chất lượng của các báo cáo: Các đơn vị gửi báo cáo cơ bản đã nêu được các thông tin chủ yếu của dự án, chương trình đầu tư, cập nhật đầy đủ các thông tin, biểu mẫu theo quy định.

3. Kết quả kiểm tra, đánh giá dự án đầu tư:

Trong năm 2015, các cấp, các ngành đã tiến hành kiểm tra, đánh giá 99 dự án (gồm 4 dự án nhóm B, 95 dự án nhóm C), các cuộc kiểm tra, giám sát đánh giá dự án đầu tư đảm bảo theo kế hoạch được phê duyệt. Qua kiểm tra, giám sát đã kịp thời phát hiện và chấn chỉnh các sai phạm trong quản lý đầu tư (Số dự án có thất thoát, lãng phí được phát hiện là 14 dự án, với số tiền thất thoát được xác định là 220 triệu đồng). Thông qua hoạt động kiểm tra, giám sát và đánh giá đầu tư, hoạt động đầu tư đã được chấn chỉnh, góp phần nâng cao hiệu quả quản lý và sử dụng vốn đầu tư trên địa bàn.

IX. TÌNH HÌNH THỰC HIỆN CÔNG TÁC GIÁM SÁT ĐẦU TƯ CỦA CỘNG ĐỒNG:

1. Tình hình triển khai công tác giám sát đánh giá đầu tư của cộng đồng:

Công tác giám sát đánh giá đầu tư của cộng đồng được triển khai thực hiện tại các xã, phường của tỉnh. UBND các xã thành lập các ban giám sát cộng đồng thực hiện giám sát các dự án đầu tư trên địa bàn, đặc biệt các dự án thuộc chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới. Các ban giám sát cộng đồng thường xuyên được củng cố, kiện toàn, lựa chọn những người có năng lực, nhiệt tình, uy tín tham gia. Trong năm, Ủy ban MTTQ Việt Nam đã phối hợp với Sở Kế hoạch và Đầu tư, Thanh tra tỉnh tổ chức tập huấn cho 140 đại biểu là các Chủ tịch, phó Chủ tịch Ủy ban MTTQ các xã phường, thị trấn về nghiệp vụ Thanh tra nhân dân - giám sát đầu tư của cộng đồng.

Số dự án được giám sát trong năm là 190 dự án, chủ yếu là các dự án thuộc chương trình MTQG giảm nghèo bền vững, chương trình xây dựng nông thôn mới. Về cơ bản, ban giám sát các xã được đầu tư đã thực hiện tốt chức trách, nhiệm vụ được giao, đảm bảo các dự án được thực hiện chất lượng, tiến độ và đáp ứng hiệu quả đầu tư.

Kinh phí hoạt động của Ban giám sát cộng đồng trên địa bàn tỉnh được lấy từ trong dự án theo hướng dẫn tại Thông tư số 01/2007/TT-BXD.

2. Tình hình thực hiện chế độ báo cáo của Ủy ban MTTQ các cấp:

Việc thực hiện báo cáo giám sát đầu tư của cộng đồng của Ủy ban MTTQ các cấp chủ yếu được thực hiện trước các kỳ họp HĐND và các Hội nghị tiếp xúc cử tri. Việc chấp hành chế độ báo cáo nhìn chung chưa được các đơn vị tự giác thực hiện. Một số báo cáo nội dung còn sơ sài, chưa đúng trọng tâm.

3. Các khó khăn vướng mắc, kiến nghị giải pháp xử lý:

a) Một số khó khăn, tồn tại:

- Việc giám sát đầu tư của cộng đồng đã góp phần nâng cao hiệu quả đầu tư trên địa bàn tỉnh, song việc thực hiện chưa có hệ thống theo dõi, hướng dẫn, kiểm

tra cụ thể, đồng bộ; hiệu quả công tác giám sát đầu tư cộng đồng chưa cao, chưa phát huy tích cực vai trò giám sát của nhân dân, các điều kiện để thực hiện giám sát đầu tư của cộng đồng chưa được đảm bảo theo quy định.

- Ban giám sát đầu tư của cộng đồng phần lớn thực hiện kiêm nhiệm với Ban Thanh tra nhân dân hiệu quả hoạt động chưa cao. Năng lực cán bộ cấp cơ sở còn hạn chế.

- Công tác tập huấn nghiệp vụ cho cán bộ làm công tác giám sát đầu tư của cộng đồng còn chưa thường xuyên, chủ yếu do Trưởng, phó ban, các thành viên còn lại ít được tập huấn, bồi dưỡng.

- Sự phối hợp giữa Ban giám sát cộng đồng, Ủy ban MTTQ cấp xã với các cấp chính quyền địa phương còn hạn chế. Trách nhiệm của Ủy ban MTTQ cấp tỉnh, huyện trong việc triển khai giám sát đầu tư cộng đồng chưa cao.

- Công tác báo cáo giám sát đầu tư của cộng đồng chưa được Ủy ban MTTQ các cấp, UBND cấp huyện, xã quan tâm.

b) Giải pháp xử lý:

- Ủy ban MTTQ các cấp; UBND cấp huyện, xã tổ chức cho cán bộ làm công tác quản lý dự án, quản lý đầu tư xây dựng nghiên cứu, quán triệt các nội dung của Nghị định 84/2015/NĐ-CP về giám sát và đánh giá đầu tư; Triển khai phổ biến, quán triệt các nội dung của Nghị định đến các đơn vị cấp dưới. Cử cán bộ tập huấn, học tập theo các chương trình do các cơ quan, đơn vị trung ương và tỉnh tổ chức.

Ủy ban MTTQ tỉnh phối hợp với Sở Kế hoạch và Đầu tư duy trì chế độ kiểm tra việc thực hiện giám sát đầu tư của cộng đồng ở các địa phương và tổ chức các lớp tập huấn, bồi dưỡng kiến thức nghiệp vụ đối với các thành viên Ban giám sát đầu tư cộng đồng nhằm nâng cao trình độ, đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ được giao, phát huy hiệu quả hơn nữa công tác giám sát đầu tư cộng đồng trên địa bàn tỉnh.

Trên đây là báo cáo giám sát, đánh giá tổng thể đầu tư năm 2015, UBND tỉnh Lai Châu báo cáo Bộ Kế hoạch và Đầu tư xem xét, tổng hợp./.

Nơi nhận:

- Bộ Kế hoạch và Đầu tư;
- Trang thông tin điện tử tỉnh;
- Sở Kế hoạch & Đầu tư;
- Lưu: VT, TH.

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Đoàn Đức Long

Phụ biểu 01

TÌNH HÌNH THỰC HIỆN KẾ HOẠCH VỐN ĐẦU TƯ TRONG KỲ BÁO CÁO

(Kèm theo báo cáo số 39/BC-UBND ngày 04 tháng 3 năm 2016 của UBND tỉnh Lai Châu)

Đơn vị: Tỷ đồng



TT	Nội dung	Kế hoạch vốn năm	Trong đó bố trí trả nợ đọng XDCB	Nợ đọng XDCB còn lại	Tình hình thực hiện		Tình hình giải ngân		Thất thoát, lãng phí được phát hiện
					giá trị	So với KH (%)	giá trị	So với KH (%)	
I	Dự án sử dụng vốn nhà nước	2.737	560	26	1.751	64%	1.848	67%	0,22
<i>I</i>	<i>Vốn đầu tư công</i>	2.737	560	26	1.751	64%	1.848	67%	0,22
1.1	Vốn NSNN	1.532	324	26	907	59%	1.044	68%	
a	Vốn NSTW	1.121	292	20	671	60%	750	67%	
b	Vốn NSDP	411	32	6	236	57%	293	71%	
1.2	Vốn ODA	118	0	0	118	100%	121	103%	
1.3	Vốn TPCP	918	236	0	679	74%	653	71%	
1.4	Vốn đầu tư công khác	170	0	0	48	28%	30	17%	
III	Dự án sử dụng nguồn vốn khác	774	0	0	774	100%	774	100%	0
1	Vốn trong nước	774	0	0	774	100%	774	100%	0
2	Vốn nước ngoài	0	0	0	0		0	0%	0
IV	Tổng cộng	3.511	560	26	2.525	72%	2.622	75%	
1	Vốn đầu tư công (I.1+II.1+II.3.1)	2.737	560	26	1.751	64%	1.848	67%	0
2	Vốn nhà nước ngoài đầu tư công (I.2+II.2.1+II.3.2)	0	0	0	0	0	0	0	0
3	Vốn khác	774	0	0	774	100%	774	100%	0
	Trong nước (I.3.1+II.2.2+II.3.3+II.1)	774	0	0	774	100%	774	100%	0
	Nước ngoài (I.3.2 + II.2.3 + II.3.4 + III.2)	0	0	0	0		0	0	0

C4

Phụ biểu 2

TỔNG HỢP SỐ LIỆU VỀ CHƯƠNG TRÌNH ĐẦU TƯ CÔNG

(Do cơ quan là Chủ trương trình, chủ dự án thành phần hoặc chủ đầu tư dự án)

(Kèm theo báo cáo số 39 /BC-UBND ngày 04 tháng 3 năm 2016 của UBND tỉnh Lai Châu)

Đơn vị: Triệu đồng

TT	Nội dung	CTMTQG	CTMT	CTMTĐP
I	Chủ chương trình			
1	Số lượng	6	15	0
2	Tổng vốn kế hoạch	288.309	853.207	0
3	Giá trị thực hiện	232.584	784.888	0
4	Giá trị giải ngân	232.584	784.888	0
II	Chủ dự án thành phần			
1	Số lượng	11	21	0
2	Tổng vốn kế hoạch	288.309	853.207	0
3	Giá trị thực hiện	232.584	784.888	0
4	Giá trị giải ngân	232.584	784.888	0
III	Chủ đầu tư dự án thuộc các chương trình			
1	Số lượng	11	21	0
2	Tổng vốn kế hoạch	288.309	853.207	0
3	Giá trị thực hiện	232.584	784.888	0
4	Giá trị giải ngân	232.584	784.888	0

Ghi chú:

1. CTMTQG:
2. CTMT:
3. CTMTĐP:

Chương trình mục tiêu Quốc gia.

Chương trình mục tiêu do Chính phủ quyết định Chủ trương

Chương trình mục tiêu do địa phương quyết định Chủ trương

Cy

Produced with




Phụ biểu 03

TÌNH HÌNH THỰC HIỆN GIÁM SÁT, ĐÁNH GIÁ ĐẦU TƯ CỦA DỰ ÁN SỬ DỤNG VỐN NHÀ NƯỚC

(Kèm theo báo cáo số 39/BC-UBND ngày 04 tháng 3 năm 2016 của UBND tỉnh Lai Châu)

TT	Nội dung	Tổng cộng các dự án sử dụng vốn nhà nước				Phân theo nguồn vốn									
		Tổng số	A	B	C	Dự án đầu tư công									
						Dự án sử dụng NSTW				TPCP	ODA	NSDP	Vốn ĐTC khác	DA SD vốn NN ngoài vốn ĐTC	
						Tổng số	A	B	C						
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	
I	Chuẩn bị đầu tư														
1	Chủ trương đầu tư														
a	Số dự án có kế hoạch chuẩn bị chủ trương đầu tư	92	0	58	34	71	0	56	15	2	0	18	4	0	
b	Số dự án được thẩm định chủ trương trong kỳ	92	0	58	34	71	0	56	15	0	0	18	4	0	
c	Số dự án có quyết định chủ trương trong kỳ	19	0	1	18	17	0	16	1	0	0	1	4	0	
2	Quyết định đầu tư														
a	Số dự án có kế hoạch lập BCNCKT trong kỳ	24	0	1	23	16	0	16	0	0	0	5	4	0	
b	Số dự án được thẩm định trong kỳ	26	0	1	25	19	0	16	3	0	0	5	4	0	
c	Số dự án có quyết định đầu tư trong kỳ	24	0	1	23	17	0	16	1	0	0	5	4	0	
II	Thực hiện đầu tư														
1	Số dự án thực hiện đầu tư trong kỳ	198	1	11	186	38	0	18	20	5	10	38	89	0	
a	Số dự án chuyển tiếp	135	1	8	126	22	0	5	17	5	3	15	89	0	
b	Số dự án khởi công mới trong kỳ	63	0	3	60	16	0	13	3	0	7	23	0	0	
2	Số dự án thực hiện báo cáo giám sát, đánh giá đầu tư theo quy định trong kỳ	57	1	3	53	12	0	1	11	2	10	29	0	0	
3	Số dự án đã thực hiện kiểm tra trong kỳ (do người có thẩm quyền Quyết định đầu tư và cơ quan quản lý NN thực hiện)	99	0	4	95	83	0	3	80	0	10	8	5	0	
4	Số dự án đã thực hiện đánh giá trong kỳ	21	1	4	16	8	0	2	6	2	5	2	1	0	

Cy

TT	Nội dung 	Tổng cộng các dự án sử dụng vốn nhà nước				Phân theo nguồn vốn									
		Tổng số	A	B	C	Dự án đầu tư công								DA SD vốn NN ngoài vốn ĐTC	
						Dự án sử dụng NSTW				TPCP	ODA	NSĐP	Vốn ĐTC khác		
						Tổng số	A	B	C						
5	Số dự án có vi phạm về thủ tục đầu tư trong kỳ	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	
a	Không phù hợp với quy hoạch	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	
b	Phê duyệt không đúng thẩm quyền	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	
c	Không thực hiện đầy đủ trình tự thẩm tra, thẩm định dự án	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	
6	Số dự án có vi phạm quy định về quản lý chất lượng được phát hiện trong kỳ (theo quy định về quản lý chất lượng hiện hành)	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	
7	Số dự án có thất thoát, lãng phí được phát hiện trong kỳ (sau khi thanh tra, kiểm tra, kiểm toán, quyết toán) (tỷ đồng)	14	0	0	14	14	0	0	14	0	0	0	0	0	
a	Tổng vốn đầu tư của các dự án có thất thoát, lãng phí bị phát hiện	48	0	0	48	47	0	0	47	0	0	1	0	0	
b	Tổng số tiền bị thất thoát, lãng phí được xác định	0,22	0	0	0,22	0,17	0	0	0,17	0	0	0,05	0	0	
8	Số dự án chậm tiến độ trong kỳ	14	1	0	13	2	0	0	2	1	0	11	0	0	
a	Số dự án chậm tiến độ do thủ tục đầu tư	1	0	0	1	0	0	0	0	0	0	0	0	0	
b	Số dự án chậm tiến độ do công tác giải phóng mặt bằng	12	0	0	12	8	0	0	8	0	0	4	0	0	
c	Số dự án chậm tiến độ do năng lực của chủ đầu tư, ban quản lý dự án và các nhà thầu	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	
d	Số dự án chậm tiến độ do bố trí vốn không kịp thời	3	0	0	3	0	0	0	0	0	0	3	0	0	
đ	Số dự án chậm do các nguyên nhân khác	4	1	0	3	0	0	0	0	1	0	3	0	0	
9	Số dự án phải điều chỉnh trong kỳ	11	0	2	9	9	0	3	6	0	0	5	16	0	
a	Số dự án phải điều chỉnh mục tiêu, quy mô đầu tư	10	0	1	9	6	0	0	6	0	0	4	14	0	
b	Số dự án phải điều chỉnh vốn đầu tư	1	0	0	1	3	0	2	1	0	0	0	2	0	

CA

TT	Nội dung	Tổng cộng các dự án sử dụng vốn nhà nước				Phân theo nguồn vốn									
		Tổng số	A	B	C	Dự án đầu tư công								DA SD vốn NN ngoài vốn ĐTC	
						Dự án sử dụng NSTW				TPCP	ODA	NSĐP	Vốn ĐTC khác		
						Tổng số	A	B	C						
c	Số dự án phải điều chỉnh tiến độ vốn đầu tư	5	0	1	4	5	0	1	4	0	0	1	0	0	
d	Số dự án phải điều chỉnh do các nguyên nhân khác	6	0	0	6	6	0	0	6	0	0	0	0	0	
10	Số dự án phải thực hiện lựa chọn nhà thầu trong kỳ	98	0	8	90	67	0	18	49	32	0	2	1	0	
a	Tổng số gói thầu đã tổ chức lựa chọn nhà thầu trong kỳ	384	0	32	352	111	0	29	82	39	32	184	22	0	
-	Chi định thầu	305	0	11	294	110	0	10	100	48	28	150	16	0	
-	Đấu thầu hạn chế	2	0	0	2	0	0	0	0	0	0	2	0	0	
-	Đấu thầu rộng rãi	84	0	27	57	56	0	25	31	1	4	21	6	0	
-	Hình thức khác	1	0	0	1	0	0	0	0	0	0	11	0	0	
b	Tổng số gói thầu có vi phạm thủ tục đấu thầu được phát hiện trong kỳ	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	
-	Đấu thầu không đúng quy định	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	
-	Ký hợp đồng không đúng quy định	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	
III	Kết thúc đầu tư, bàn giao đưa vào sử dụng														
1	Số dự án kết thúc đầu tư trong kỳ	170	0	1	169	128	0	27	101	22	12	72	78	0	
2	Lũy kế số dự án đã kết thúc nhưng chưa được quyết toán	129	0	0	129	84	0	7	77	21	11	37	58	0	
3	Số dự án được quyết toán trong kỳ	171	0	0	171	101	0	14	87	0	0	93	99	0	
4	Tình hình khai thác vận hành	54	0	1	53	30	0	26	4	2	5	37	78	0	
a	Số dự án đã đưa vào vận hành	86	0	1	85	47	0	26	21	17	10	37	78	0	
b	Số dự án đã đưa vào sử dụng có vấn đề kỹ thuật, không có hiệu quả (nếu có)	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	
c	Số dự án được đánh giá tác động trong kỳ	1	0	0	1	1	0	0	1	0	0	0	0	0	

C7

Phụ biểu 05

TÌNH HÌNH THỰC HIỆN GIÁM SÁT ĐẦU TƯ CỦA DỰ ÁN SỬ DỤNG CÁC NGUỒN VỐN KHÁC

(Kèm theo báo cáo số 39/BC-UBND ngày 04 tháng 3 năm 2016 của UBND tỉnh Lai Châu)

TT	Chỉ tiêu	Tổng số	Dự án FDI			Dự án trong nước		
			(1)	(2)	(3)	(1)	(2)	(3)
1	Số dự án nộp thủ tục xin chủ trương đầu tư	20	0	0	0	0	0	20
2	Số dự án được phê duyệt chủ trương đầu tư	14	0	0	0	0	0	14
3	Số dự án được cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư trong kỳ	6	0	0	0	0	0	6
4	Số dự án được cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư điều chỉnh trong kỳ	10	0	0	0	0	0	10
5	Số dự án thực hiện đầu tư trong kỳ	124	0	0	1	0	124	0
-	Dự án cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư	124	0	0	1	0	124	0
-	Dự án không cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư	0	0	0	0	0	0	0
6	Vốn đầu tư đăng ký (tỷ đồng):	774	0	0	63	0	0	774
a	Lũy kế tổng vốn đăng ký đầu tư	215	0	0	63	0	0	63
b	Tổng số vốn đăng ký đầu tư tăng thêm trong kỳ	559	0	0	0	0	0	559
-	Dự án đăng ký mới	3,8	0	0	0	0	0	3,8
-	Dự án đăng ký điều chỉnh tăng vốn đầu tư	555	0	0	0	0	0	555
7	Vốn đầu tư thực hiện (tỷ đồng):	774	0	0	63	0	0	774
a	Lũy kế tổng vốn đầu tư thực hiện	774	0	0	63	0	0	774
b	Tổng vốn đầu tư thực hiện trong kỳ	774	0	0	63	0	0	774
8	Số dự án đã được kiểm tra, đánh giá trong kỳ	16	0	0	0	0	0	16
9	Số dự án có vi phạm quy định về quản lý đầu tư được phát hiện trong kỳ	19	0	0	1	0	0	18
10	Số dự án có vi phạm quy định về bảo vệ môi trường được phát hiện trong kỳ	0	0	0	0	0	0	0
11	Số dự án có vi phạm quy định về sử dụng đất đai được phát hiện trong kỳ	0	0	0	0	0	0	0
12	Số dự án có vi phạm quy định về quản lý tài nguyên được phát hiện trong kỳ	0	0	0	0	0	0	0
13	Số dự án phải thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư trong kỳ	17	0	0	1	0	0	16
14	Số dự án đã kết thúc đầu tư trong kỳ	0	0	0	0	0	0	0
15	Số dự án đưa vào khai thác vận hành trong kỳ	1	0	0	0	0	0	1
a	Số dự án có lợi nhuận	0	0	0	0	0	0	0
b	Tình hình nộp ngân sách (tỷ đồng)	0	0	0	0	0	0	0

C4

Phụ biểu 06
TỔNG HỢP KẾT QUẢ GIÁM SÁT ĐẦU TƯ CỦA CỘNG ĐỒNG

Tỉnh: Lai Châu - năm 2015

(Kèm theo báo cáo số 39/BC-UBND ngày 04 tháng 3 năm 2016 của UBND tỉnh Lai Châu)



	Tổng số dự án đầu tư	Trong đó:			Ghi chú
		Dự án sử dụng vốn và công sức cộng đồng; vốn ngân sách cấp xã; vốn tài trợ trực tiếp cho xã	Dự án đầu tư công; dự án sử dụng vốn nhà nước ngoài đầu tư công và dự án đầu tư theo hình thức PPP	Dự án sử dụng vốn khác	
1. Tổng số dự án đầu tư trên địa bàn	190	157	33	0	
2. Tổng số dự án cộng đồng đã giám sát, trong đó:	180	157	23	0	
- Đúng quy định	167	144	23	0	
- Có vi phạm	0	0	0	0	
- Chưa xác định được	13	13	0	0	
3. Số dự án cộng đồng chưa giám sát, trong đó:	0	0	0	0	
- Do các cơ quan chưa công khai thông tin	0	0	0	0	
- Do chủ đầu tư chưa công khai thông tin	0	0	0	0	
- Lý do khác	0	0	0	0	
4. Tổng số dự án cộng đồng phản ánh có vi phạm:	0	0	0	0	
- Đã có thông báo kết quả xử lý	0	0	0	0	
- Chưa có thông báo kết quả xử lý	0	0	0	0	
- Chủ đầu tư đã chấp hành theo thông báo	0	0	0	0	

Cy